

Bản án số:41/2020/ HSST
Ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH BẠC LIÊU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**.

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyền**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Mai Chí Nguyễn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh V**, sinh năm 1967 tại Bạc Liêu; Nơi cư trú: số 315/2, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C (chết) và bà La Thị B, sinh năm 1938. Chung sống như vợ chồng với chị Trương Ánh K, sinh năm 1995. Con 01 người, sinh năm 2015. Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 13/11/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm 06 tháng tù, chưa được xóa án tích; Ngày 24/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù chưa được xóa án tích. Nhân thân: Ngày 19/07/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã A, xử phạt 01 năm tù, đã được xóa án tích; Ngày 16/8/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 03 năm tù, đã được xóa án tích. Ngày 28/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 01 năm 09 tháng tù. Trần Thanh V kháng cáo, ngày 16/01/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đình chỉ xét xử phúc thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2019 đến nay. (có mặt)

* Bị hại:

1/ Ông **Mã Vĩnh T**, sinh năm 1955.

Trú tại: Số 163, ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Song A**, sinh năm 1956.

Trú tại: Ấp B, thị trấn H, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

1/ Ông **Trần Thanh C**, sinh năm 1965.

Trú tại: Số 315/2 ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2/ Anh **Trần Minh Đ**, sinh năm 1992.

Trú tại: Ấp V, xã T, huyện L, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua việc tiếp cận người lớn tuổi có đeo nhẫn V, giả vờ nhận là người quen rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt T sản, trong khoảng thời gian từ ngày 26/11/2019 đến ngày 08/12/2019 trên địa bàn phường 8, thành phố B, Trần Thanh V thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt T sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất, khoảng 11 giờ ngày 26/11/2019, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 94P1-7542 đi trên đường Quốc Lộ 1A từ hướng thành phố B về huyện H thì gặp ông Mã Vĩnh T sinh năm 1955 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 94K1-875.34 nên giả vờ bắt chuyện như là có quen biết từ trước, ông T mặc dù không biết nhưng nghe V nói thì tưởng người quen nên trò chuyện với V. Nhìn thấy trên tay của ông T có đeo nhẫn V 18K (trọng lượng 1,8 chỉ) nên V rủ ông T chạy đến quán cà phê Anh V thuộc ấp Thị trấn B, thị trấn H, huyện H để uống nước. Trong lúc uống nước, V nói dối điện thoại hết tiền nên mượn điện thoại Iphone 6 Plus của ông T gọi điện rồi bỏ vào túi quần đang mặc, nói lúc về nhà sẽ trả, lúc nói chuyện biết ông T làm nghề thầy cúng nên V nói gần nhà của V có người phụ nữ ở Mỹ về bị thư, bị ốm nếu ông T chữa hết bệnh thì người phụ nữ đó cho tiền ông T để mua xe và rủ ông T về nhà chơi, ông T đồng ý và gửi xe tại quán cà phê, ngồi lên xe biển kiểm soát 94P1-7542 do V điều khiển trở về hướng thành phố B. Trên đường đi, V nói dối có ông sui ở bên Mỹ về nên cần tiền để mua cua cho ông sui ăn rồi mượn của ông T 600.000 đồng và nói lúc về nhà sẽ trả. Sau khi lấy tiền bỏ vào túi quần, V tiếp tục mượn chiếc nhẫn V của ông T để mang thử rồi mang vào tay, nói lúc về nhà sẽ trả. Khi đến đoạn đường thuộc khóm T, phường 8, thành phố B, V dừng xe lại chỉ vào ngôi nhà đang đóng cửa nói dối là nhà của mình và kêu ông T xuống xe đứng đợi để V đi tìm vợ lấy chìa khóa, ông T tin tưởng là thật nên xuống xe đứng đợi, còn V điều khiển xe chạy mất. Đợi lâu không thấy V quay lại, biết bị lừa ông T thuê xe về quán cà phê Anh V để lấy

xe mô tô điều khiển chạy về nhà, đến ngày 16/12/2019 ông T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố B trình báo. Còn V sau khi chiếm đoạt T sản điều khiển xe đến tiệm V không nhớ tên tại thị trấn L, huyện I, tỉnh Sóc Trăng bán nhẫn V được 4.000.000 đồng, cùng với số tiền 600.000 đồng, V tiêu xài hết, còn điện thoại di động Iphone 6 Plus, V cất giữ để sử dụng.

Tại bản kết luận định giá số 131/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận tính đến ngày 26/11/2019: *01 nhẫn V 18K kiểu mặt tợ trọng lượng 1,8 chỉ, giá bán ra là 1,8 chỉ x 3.135.000 đồng/chỉ = 5.643.000 đồng, tiền công thợ là 190.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám loại cảm ứng dung lượng 64GB số Imei: 354389066768002 có giá trị thành tiền là 3.773.000 đồng, 01 ốp lưng bằng nhựa dẻo đi kèm điện thoại có giá là 35.000 đồng.* Tổng giá trị T sản chiếm đoạt của ông T là 10.241.000 đồng.

Vụ thứ hai, khoảng 08 giờ ngày 08/12/2019, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 94P1-7542 đến ấp A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu thì gặp ông Nguyễn Song A sinh năm 1956 đang đạp xe đạp nên giả vờ bắt chuyện như là có quen biết từ trước, ông A mặc dù không biết nhưng nghe V nói tưởng người quen nên trò chuyện với V. Nhìn thấy trên tay của ông A có đeo nhẫn V 24K (trọng lượng 10 chỉ) và lúc nói chuyện biết ông A nhà ở huyện H có vợ bị bệnh khớp nên V nói dối là có ông sui bên Mỹ về làm từ thiện ở huyện H rồi rủ ông A về nhà để cho ông A uống thuốc trị bệnh khớp, ông A đồng ý và để xe đạp tại quán cà phê trên đường, ngồi lên xe biển kiểm soát 94P1-7542 do V điều khiển trở về hướng thành phố B. Đến quán cà phê Ký trên đường 23/8 thuộc khóm T, phường 8, thành phố B, cả hai vào quán cà phê uống nước. Trong lúc uống nước, V nói cần tiền để mua cua cho ông sui ăn rồi mượn của ông A 1.300.000 đồng và nói lúc về nhà sẽ trả. Sau khi lấy tiền bỏ vào túi quần, V tiếp tục mượn chiếc nhẫn V của ông A để mang thử nói lúc về nhà sẽ trả, vì nếu ông A mang nhẫn thì ông sui thấy sẽ không cho thuốc trị khớp, ông A đưa nhẫn thì V mang vào tay. Sau đó thì V điều khiển xe chở ông A vào trong khu công nghiệp T thuộc phường 8 thành phố B, V dừng xe lại chỉ vào ngôi nhà đang đóng cửa nói dối là nhà của mình và kêu ông A xuống xe đứng đợi để V đi tìm vợ lấy chìa khóa, ông A tin tưởng là thật nên xuống xe đứng đợi, còn V điều khiển xe chạy mất. Đợi lâu không thấy V quay lại, biết bị lừa ông A đến Công An phường 8 thành phố B trình báo, ngày 09/12/2019 lực lượng Công an trích xuất camera an ninh ghi lại hình ảnh V cùng ngồi uống cà phê và điều khiển xe mô tô 94P1-7542 chở ông A thuộc khu vực phường 8 thành phố B ngày 08/12/2019 lưu vào đĩa CD hiệu Maxell MQ màu vàng. Còn V sau khi chiếm đoạt T sản điều khiển xe đến tiệm V không nhớ tên tại thị trấn L, huyện I, tỉnh Sóc Trăng bán nhẫn vàng được 40.118.000 đồng, cùng với số tiền 1.300.000 đồng, V tiêu xài hết. Ngày 13/12/2019, Phòng Cảnh sát hình sự Công An tỉnh Bạc Liêu

mời V làm việc và tạm giữ của V: 01 xe mô tô nhãn hiệu VCR loại Future Neo biển kiểm soát 94P1-7542, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, tiền Việt Nam 700.000 đồng, 01 biên nhận cầm đồ của tiệm vàng Kim Tín.

Tại bản kết luận định giá số 130/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá Tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận tính đến ngày 08/12/2019: *01 nhẫn vàng 24K kiểu mặt tợ trọng lượng 01 lượng (10 chỉ), giá bán ra là 10 chỉ x 4.180.000 đồng/chỉ = 41.800.000 đồng, tiền công thợ là 200.000 đồng.* Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của ông Alà 43.300.000 đồng.

Bị cáo chiếm đoạt tài sản của ông Mã Vĩnh T và Nguyễn Song A với tổng giá trị tài sản là 53.541.000 đồng

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 34/CT-VKSTPBL ngày 26/3/2020 và đề nghị xử lý như sau:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh V với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, nhãn hiệu VCR, loại Future Neo, màu đỏ đen, biển kiểm soát 94P1-7542.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại, giao trả cho ông Asố tiền 700.000 đồng hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đang giữ.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T; 01 biên nhận cầm đồ của tiệm V Kim Tín không liên quan vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

+ 01 đĩa CD hiệu Maxell MQ màu vàng ghi lại hình ảnh V cùng ngồi uống cà phê và điều khiển xe mô tô 94P1-7542 chở ông Athuộc khu vực phường 8 thành phố B ngày 08/12/2019 được lưu vào hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự:

+Đối với bị hại là ông T đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+Đối với bị hại là ông Nguyễn Song A yêu cầu bồi thường 43.300.000 đồng theo kết quả định giá. Do đó, có căn cứ buộc bị cáo V bồi thường cho ông Nguyễn Song A tổng số tiền bị chiếm đoạt là 43.300.000 đồng. Khấu trừ số tiền 700.000đ thỏa thuận tại phiên tòa, bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường cho ông A số tiền 42.600.000đ.

- Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.165.000 đồng.

- Bị cáo Trần Thanh V thành khẩn khai báo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công An thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại là ông Mã Vĩnh T, người có quyền lợi liên quan đến vụ án là ông Trần Thanh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông T, ông C không yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự. Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là anh Trần Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của ông T, ông C, anh Đ không cản trở cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông T, ông C và anh Đ.

[3] Nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vì động cơ vụ lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ ngày 26/11/2019 đến ngày 08/12/2019 trên địa bàn phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu Trần Thanh V đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông Mã Vĩnh T và ông Nguyễn Song An, với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 53.541.000 đồng.

Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi dùng lời nói gian dối để các bị hại tin đưa tiền, nhẫn, điện thoại cho bị cáo rồi chiếm đoạt các tài sản này với tổng trị giá 53.541.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Xét tiền án của bị cáo:

-Ngày 13/11/2009, theo bản án số 138/2009/HDPT ngày 13/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị cáo bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2010, chưa đóng án phí. Đến nay chưa được xóa án tích;

-Ngày 24/6/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2017, chưa đóng án phí. Đến nay vẫn chưa được xóa án tích. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án số 138/2009/HSPT ngày 13/11/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, do đó bản án số 51/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B phải xác định tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là tái phạm. Tuy nhiên, thực tế bản án số 51/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xác định bị cáo không tái phạm là chưa chính xác.

Như đã phân tích, tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 30/6/2020) bị cáo Trần Thanh V có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên trong vụ án này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B chỉ truy tố bị cáo với định khung hình phạt là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, không truy tố thêm định khung hình phạt là điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định:

“Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố”.

Do đó, trong vụ án này Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo với định khung hình phạt là điểm c, điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có đủ sức khỏe để lao động tạo nguồn thu nhập để tự nuôi sống bản thân nhưng chỉ vì lòng tham lam, ham lợi bất chính, không muốn phải lao động cực nhọc mà bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác. Chỉ trong thời gian ngắn mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của 02 người giá trị chiếm đoạt 53.541.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho mọi người dân đang quản lý tài sản, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Trần Thanh V thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường cho bị hại 700.000 đồng nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, nhãn hiệu VCR, loại Future Neo, màu đỏ đen, biển số kiểm soát 94P1-7542.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của bị cáo và ông A. Giao cho ông Nguyễn Song A số tiền 700.000 đồng.

+ 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T; 01 biên nhận cầm đồ của tiệm Vàng Kim Tín không liên quan vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

+ 01 đĩa CD hiệu Maxell MQ màu vàng ghi lại hình ảnh V cùng ngồi uống cà phê và điều khiển xe mô tô 94P1-7542 chở ông A thuộc khu vực phường 8 thành phố B ngày 08/12/2019 được lưu vào hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại là ông Mã Vĩnh T đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì khác nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, bị cáo và ông Nguyễn Song A thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông A 43.300.000đ và bị cáo đồng ý giao cho ông A 700.000đ mà Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đang giữ để khấu trừ vào số tiền bồi thường. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp qui định pháp luật nên được ghi nhận. Buộc bị cáo V bồi thường cho ông Nguyễn Song A số tiền còn lại là 42.600.000 đồng.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là ông C không có yêu về vấn đề trách nhiệm dân sự nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án là anh Đ không có ý kiến về vấn đề trách nhiệm dân sự nên không đặt ra vấn đề trách nhiệm dân sự để xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay. Anh Đ có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[8] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.165.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Do bị cáo đang phải chấp hành Bản án hình sự sơ thẩm số 109/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh V 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 16/12/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bản án hình sự sơ thẩm số 109/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B buộc bị cáo Trần Thanh V phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày 16/12/2019.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự

Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, nhãn hiệu VCR, loại Future Neo, màu sơn đỏ đen, biển số kiểm soát 94P1-7542, số máy VTT36JL1P52FMH037139, số khung RRKWCH2UMAXC 37139, không gương chiếu hậu bên phải, bị trầy xước, đã qua sử dụng.

Giao cho ông Nguyễn Song Asố tiền 700.000 đồng.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2020 và biên lai thu tiền số 000168 ngày 31/3/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thanh V có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Song A số tiền 42.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.165.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP B;
- Nhà tạm giữ TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục Thi hành án Tp. B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Trần Quỳnh Phương